

Số: 913 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chỉ tiêu phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2023

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2019 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Xét đề nghị của Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Tờ trình số 886/TTr-BHXH ngày 14/8/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh chỉ tiêu phát triển số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2023 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Chủ tịch UBND huyện, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện phát triển số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2023 tại địa phương.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bưu điện tỉnh, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TTTT;
- + Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Sơn

## CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Người

TT	Huyện, thành phố	Chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH bắt buộc 2023		Chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH tự nguyện 2023		Chỉ tiêu phát triển người tham gia BHTN 2023	
		Chỉ tiêu giao đầu năm	Chỉ tiêu điều chỉnh	Chỉ tiêu giao đầu năm	Chỉ tiêu điều chỉnh	Chỉ tiêu giao đầu năm	Chỉ tiêu điều chỉnh
	<b>Tổng</b>	<b>392.511</b>	<b>364.953</b>	<b>52.139</b>	<b>48.818</b>	<b>378.869</b>	<b>349.855</b>
1	Thành phố	65.700	61.087	4.486	4.140	59.972	55.379
2	Yên Thế	7.412	6.892	3.291	2.994	6.628	6.120
3	Tân Yên	14.615	13.589	5.956	5.229	13.814	12.756
4	Lạng Giang	24.055	22.366	6.040	5.593	23.399	21.607
5	Lục Nam	10.375	9.647	5.941	5.544	9.378	8.660
6	Lục Ngạn	8.310	7.727	6.533	6.358	7.215	6.662
7	Sơn Động	5.124	4.764	3.081	3.073	4.285	3.957
8	Yên Dũng	23.675	22.013	4.875	4.458	22.721	20.981
9	Việt Yên	212.385	197.474	5.645	5.231	211.602	195.397
10	Hiệp Hòa	20.860	19.395	6.291	6.198	19.855	18.334